

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2018/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 8806/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp; mức vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (sau đây gọi là Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

1. Mức hỗ trợ: Bằng chênh lệch lãi suất cho vay thương mại của các ngân hàng thương mại so với lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

2. Căn cứ để xác định chênh lệch lãi suất hỗ trợ:

a) Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của các ngân hàng thương mại do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, có hoạt động cho vay các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

b) Mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

3. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

a) Tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư.

b) Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.

c) Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

4. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

5. Phương thức hỗ trợ

a) Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

b) Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

6. Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất:

Vốn cấp bù chênh lệch lãi suất được bố trí từ ngân sách tỉnh theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn và mức vốn thực hiện chính sách

1. Ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách tỉnh hàng năm (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) cho ngành nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối vốn của từng giai đoạn và hàng năm, nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức vốn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP hàng năm và 05 năm của tỉnh.

Điều 5. Cơ chế thực hiện chính sách

1. Ưu tiên hỗ trợ cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư tại địa bàn các huyện, thị xã miền Tây của tỉnh (bao gồm: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Anh Sơn, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Thanh Chương và thị xã Thái Hòa) như sau:

a) Ngân sách tỉnh dành tối thiểu 65% tổng mức vốn kế hoạch 05 năm thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP để hỗ trợ cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư trên địa bàn các huyện, thị xã miền Tây.

b) Trường hợp mức vốn bố trí kế hoạch trong năm không đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, thì ưu tiên bố trí vốn trước cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư trên địa bàn các huyện, thị xã trên địa bàn miền Tây.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án đầu tư đảm bảo điều kiện được hỗ trợ theo quy định thì được ưu tiên xem xét hỗ trợ trước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và thay thế Nghị quyết số 148/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015 đến năm 2020./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Sơn